

Bản án số: 16/2023/DS-ST

Ngày: 09-02-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Phán;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm 6, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị M, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 6, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/7/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà và bà Lâm Thị M có quen biết do là người cùng xóm 6, xã HL. Từ năm 2015, bà M bắt đầu hỏi vay nợ của bà nhiều lần và chủ yếu nói miệng, lý do vay bà M nói cho con đi nước ngoài. Đến ngày 30/7/2015, hai bên chốt lại và lập giấy cam kết xác nhận số tiền bà M đã vay của bà là 218.000.000 đồng (Hai trăm mười tám triệu đồng), hạn đến tháng 09/2017 sẽ trả nợ; sau đó bà M vay thêm 1.000.000 đồng có viết xác nhận vào mặt sau của giấy cam kết trên nhưng không ghi ngày tháng năm. Ngày 18/6/2017, bà M tiếp tục vay của bà 3,6 vàng và 600.000 đồng, hạn 01 tháng sau trả và hai bên có lập giấy biên nhận. Cả hai giấy

biên nhận ngày 30/7/2015 và ngày 18/6/2017 đều do bà Lâm Thị M tự tay viết tại nhà bà và ký tên, đưa cho bà đã giữ bản gốc. Nguồn gốc tiền, vàng cho bà M vay là do bà đi vay của người khác và một phần của gia đình bà nhưng khi cho vay thì chồng bà không biết nên bà không yêu cầu triệu tập chồng bà tham gia giải quyết. Trong giấy cam kết vay số tiền 218.000.000 đồng ngày 30/7/2005 có chữ ký, chữ viết của ông Phạm Văn Huy là chồng và anh Lâm Văn V là con của bà M nhưng ông H và anh V không có mặt mà do bà M tự viết tên và ký thay.

Khi vay hai bên có thoả thuận miệng tính lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phòng giao dịch xã HL áp dụng là 01%/tháng. Bà M có trả lãi được một vài tháng nhưng do bà không ghi chép lại nên không nhớ đã nhận bao nhiêu tiền lãi và lần cuối cùng nhận lãi vào thời gian nào, nòn nợ gốc thì bà M chưa trả.

Bà đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà M đều khát nợ và đã bỏ đi khỏi địa phương, bà M có số điện thoại 0944681602 nhưng cũng không liên lạc được, bà chỉ nghe thông tin bà M và chồng con vào tỉnh Bình Phước làm ăn, sinh sống nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Tại xóm 6, xã HL thì gia đình bà M vẫn còn 01 căn nhà cấp 4 nhưng khoá cửa không có người ở.

Nay bà yêu cầu bà Lâm Thị M phải trả cho bà số nợ gốc là 219.600.000đ (Hai trăm mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng) và 3,6 chỉ vàng 9999; không yêu cầu tính lãi. Bà không yêu cầu chồng con bà M là ông Phạm Văn H và anh Lâm Văn V phải liên đới trả nợ cùng bà M vì họ không hỏi vay bà.

Bị đơn là bà Lâm Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng các phương thức niêm yết công khai và đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng mà không có lý do, không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của bà M đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 467 của Bộ luật Dân sự; buộc bà Lâm Thị M có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T số tiền 219.600.000 đồng và 3,6 chỉ vàng loại 9999.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lâm Thị M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1

và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Lâm Thị M có địa chỉ cư trú tại xóm 6, xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn: Căn cứ tài liệu, chứng cứ do bà Lê Thị T cung cấp là các bản gốc viết tay gồm: 01 Bản cam kết vay tiền ghi ngày 30/7/2015 có ghi vay số tiền 218.000.000 đồng, hạn đến tháng 09/2017 sẽ trả nợ và vay số tiền 1.000.000 đồng nhưng không ghi ngày tháng năm có chữ ký, chữ viết của người vay “M - Lâm Thị M”; 01 giấy ghi ngày 18/6/2017 xác nhận vay 03 chỉ 06 phân vàng và 600 (tức 600.000 đồng), có thoả thuận thời hạn trả nợ sau 01 tháng, có chữ ký, chữ viết “M - Lâm Thị M”. Tổng số tiền, vàng đã vay ghi trong hai giấy biên nhận trên là 219.600.000 đồng và 3,6 chỉ vàng 9999. Đến nay bà Lê Thị T yêu cầu bà Lâm Thị M phải trả số nợ gốc trên. Bị đơn bà Lâm Thị M đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã liên lạc theo số điện thoại 0354279273 của anh Lâm Văn Vũ là con của bà M, anh Vũ đồng ý thông tin cho bà M biết theo yêu cầu của Tòa án nhưng bà M vẫn cố tình vắng mặt, không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do đó căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở khẳng định bà Lâm Thị M đã vay của bà Lê Thị T số tiền, vàng như trên là có thật. Đến nay bà Lâm Thị M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả nợ cho bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thị M trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Đối với ông Phạm Văn H và anh Lâm Văn V là chồng, con của bà Lâm Thị M có chữ ký, chữ viết trong giấy cam kết vay tiền ngày 30/7/2015 nhưng bà T thừa nhận do bà M tự viết và ký tên, không có mặt ông H và anh V. Bà T cũng không yêu cầu ông H, anh V phải liên đới cùng bà M trả nợ cho bà nên không xem xét về trách nhiệm liên đới của ông H và anh V là phù hợp pháp luật.

[5] Về lãi: Bà Lê Thị T khai khi cho vay hai bên có thoả thuận miêng lãi tiền là 01%/tháng, bà M có trả lãi được vài tháng nhưng bà T không nhớ số lãi đã nhận. Đến nay bà Lâm Thị M vắng mặt, không có ý kiến gì; bà T cũng tự nguyện không yêu cầu bà M phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về lãi của số tiền gốc vay.

[6] Về án phí: Bị đơn bà Lâm Thị M có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm xét xử, giá vàng trung bình giữa mua vào và bán ra trên thị trường đối với loại vàng 9999 (24K) được xác định là: (5.360.000 đồng/chỉ + 5.440.000 đồng/chỉ) : 2 = 5.400.000 đồng/chỉ.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T về việc đòi nợ đối với bà Lâm Thị M.

2. Buộc bà Lâm Thị M trả cho bà Lê Thị T số tiền 219.600.000đ (hai trăm mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng) và 3,6 (ba phẩy sáu) chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Lâm Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 11.952.000đ (mười một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên